

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Hà Nội - Tháng 01 năm 2010

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính giáo dục trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính giáo dục được là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103021027, đăng ký lần đầu ngày 03/12/2007, thay đổi lần thứ hai ngày 19/8/2008, thay đổi lần thứ ba ngày 27/07/2009.

Ngày 25/9/2009 Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đã ra quyết định số 595/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính giáo dục với mã chứng khoán là EFI.

Ngày 01/12/2009 Đại Hội đồng cổ đông Công ty đã ra Nghị quyết số 11/NQ-HĐCĐ về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ với số lượng chào bán 9.930.000 cổ phiếu, trong đó phát hành cho cổ đông hiện hữu là 3.570.000 cổ phần với giá bằng mệnh giá, chào bán công khai 3.570.000 cổ phần giá chào khởi điểm 15.000 đồng/cổ phiếu, số còn lại bán cho cán bộ công nhân viên và cổ đông chiến lược với giá bán không thấp hơn giá trị sổ sách tại thời điểm 30/09/2009. Theo phương án, vốn bổ sung được sử dụng để đầu tư dự án Xây dựng công trình Văn phòng giao dịch và căn hộ cao cấp tại 187 Giảng Võ, Hà Nội.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 81 đường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Mạc Văn Thiện	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 31/3/2009
Ông Lê Thành Anh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01/04/2009
Ông Phạm Thanh Nam	Phó Chủ tịch	
Bà Lã Thị Vân Anh	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Hồng Điệp	Ủy viên	
Ông Trần Đức Hùng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 31/3/2009
Ông Hoàng Lê Bách	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 01/04/2009

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Lã Thị Vân Anh	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hồng Điệp	Phó Giám đốc

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trên Báo cáo tài chính từ trang 04 đến trang 21 kèm theo.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ được phân phối theo Nghị quyết Đại hội cổ đông.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Lã Thị Vân Anh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2009

Số: 2010/CPAVN.BCKT-BCTC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính giáo dục

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính giáo dục**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính giáo dục (gọi tắt là “Công ty”) từ trang 04 đến trang 20 kèm theo.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1 và trang 2, việc lập và trình bày Báo cáo tài chính thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ vào kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định liên quan khác tại Việt Nam.

Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV

Phan Thanh Nam
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1009/KTV

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM (CPA VIETNAM)
Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		33.518.287.018	31.809.994.492
I- Tiền	110	5.1	3.802.249.785	11.324.697.753
1. Tiền	111		1.802.249.785	1.424.697.753
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	9.900.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	29.269.758.800	18.647.603.445
1. Đầu tư ngắn hạn	121		31.324.388.514	19.684.783.445
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.054.629.714)	(1.037.180.000)
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		400.552.923	1.834.693.294
1. Phải thu khách hàng	131		397.967.600	335.125.995
2. Trả trước cho người bán	132		964.484	1.267.877
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	1.620.839	1.498.299.422
IV- Hàng tồn kho	140		29.010.000	-
1. Hàng tồn kho	141		29.010.000	-
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		16.715.510	3.000.000
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	154		2.215.510	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		14.500.000	3.000.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		10.408.732.236	5.931.450.197
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		566.250.444	563.863.444
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.4	545.750.444	537.363.444
- Nguyên giá	222		700.789.200	600.278.780
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(155.038.756)	(62.915.336)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		20.500.000	26.500.000
- Nguyên giá	228		30.000.000	30.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.500.000)	(3.500.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.5	9.783.000.000	5.333.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		6.333.000.000	5.333.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		3.450.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		59.481.792	34.586.753
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		59.481.792	34.586.753
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		43.927.019.254	37.741.444.689

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		2.695.799.926	1.565.990.817
I- Nợ ngắn hạn	310		2.695.799.926	1.565.990.817
2. Phải trả người bán	312		1.800.007	261.204.066
3. Người mua trả tiền trước	313		-	325.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.6	980.456.734	292.508.222
5. Phải trả người lao động	315		500.000.000	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	5.7	1.213.543.185	1.011.953.529
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II- Nợ dài hạn	330		-	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400	5.8	41.231.219.328	36.175.453.872
I- Vốn chủ sở hữu	410		41.166.037.680	36.217.125.856
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		35.700.000.000	35.700.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		102.034.226	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		(84.965.774)	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.448.969.228	517.125.856
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		65.181.648	(41.671.984)
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		65.181.648	(41.671.984)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		43.927.019.254	37.741.444.689

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2010

Kế toán trưởng

Giám đốc

Bùi Văn Dũng

Lã Thị Vân Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.9	6.660.875.197	9.413.364.475
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		6.660.875.197	9.413.364.475
4. Giá vốn hàng bán	11	5.10	2.584.448.203	7.636.163.480
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		4.076.426.994	1.777.200.995
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.11	5.567.254.787	4.146.196.703
7. Chi phí tài chính	22	5.12	1.628.504.714	2.011.804.889
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	138.188.007
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.702.403.931	1.110.773.092
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		6.312.773.136	2.662.631.710
11. Thu nhập khác	31		-	543.212
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		-	543.212
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		6.312.773.136	2.663.174.922
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.13	953.130.132	622.462.539
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		5.359.643.004	2.040.712.383
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.501	646

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2010

Kế toán trưởng

Giám đốc

Bùi Văn Dũng

Lã Thị Vân Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động KD				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		354.566.730	9.532.579.564
2. Tiền trả cho người cung cấp HH&DV	02		(2.745.473.787)	(8.081.192.571)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.372.537.151)	(578.683.106)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(272.497.893)	(349.964.646)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.199.293.716	1.884.675.888
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2.786.325.933)	(1.690.303.671)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	20		(4.622.974.318)	717.111.458
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(147.393.984)	(712.939.287)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(63.377.257.624)	(63.750.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		59.269.042.214	45.443.916.667
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.450.000.000)	(11.163.410.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị	26		-	4.471.879.889
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.822.947.348	2.710.115.518
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.882.662.046)	(23.000.437.213)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	21.883.380.000
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(16.811.604)	(1.560.030.395)
Lưu chuyển tiền thuần hoạt động tài chính	40		(16.811.604)	20.323.349.605
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(7.522.447.968)	(1.959.976.150)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		11.324.697.753	13.284.673.903
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	3.802.249.785	11.324.697.753

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2010

Kế toán trưởng

Giám đốc

Bùi Văn Dũng

Lã Thị Vân Anh

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Giáo dục là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103021027, đăng ký lần đầu ngày 03/12/2007, thay đổi lần thứ hai ngày 19/8/2008, thay đổi lần thứ 3 ngày 27/7/2009.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba là 35.700.000.000 đồng.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty đăng ký tại số 81 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo đăng ký kinh doanh, Công ty hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- Tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính);
- Dịch vụ tư vấn đầu tư thực hiện việc mua, bán doanh nghiệp;
- Tư vấn cổ phần hóa, xác định giá trị doanh nghiệp;
- Dịch vụ nghiên cứu phát triển thị trường;
- Xây dựng trường học các cấp;
- Dịch vụ tư vấn đầu tư và quản lý dự án;
- Xây dựng cao ốc;
- Cung cấp dịch vụ quản lý, khai thác, vận hành tòa nhà;
- Cung cấp các sản phẩm dịch vụ việc giảng dạy trong nhà trường và dịch vụ vệ sinh học đường;
- Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh giấy;
- Tổ chức hội nghị, hội thảo; Dịch vụ ủy thác đầu tư;
- Xây dựng và kinh doanh các khu du lịch, khu vui chơi giải trí, khách sạn, nhà hàng; Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke).

Trong năm 2009, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực dịch vụ quản lý tòa nhà cho Nhà xuất bản Giáo dục, cho các đơn vị thuộc Nhà xuất bản giáo dục vay vốn và đầu tư chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

Không có chuẩn mực kế toán mới nào lần đầu tiên áp dụng trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Thời gian khấu hao như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (năm)
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị dụng cụ quản lý	5
Tài sản khác	5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình Công ty đang theo dõi là phần mềm kế toán được phản ánh theo giá gốc và trình bày theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Phần mềm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng không trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt	234.717.324	46.294.000
Tiền gửi ngân hàng	1.567.532.461	1.378.403.753
Các khoản tương đương tiền (*)	2.000.000.000	9.900.000.000
Tổng	<u>3.802.249.785</u>	<u>11.324.697.753</u>

(*): Khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi ngân hàng không quá 3 tháng.

5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán	10.324.388.514	1.896.950.111
Tiền gửi có kỳ hạn	-	9.087.833.334
Cho vay vốn ngắn hạn (*)	21.000.000.000	8.700.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2.054.629.714)	(1.037.180.000)
Tổng	<u>29.269.758.800</u>	<u>18.647.603.445</u>

(*): Chi tiết đối tượng vay :

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục Hà Nội	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần in sách giáo khoa tại TP Hà Nội	2.000.000.000	3.500.000.000
Trần Đức Hùng	-	200.000.000
Công ty Cổ phần sách dân tộc	2.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần ĐT&PT giáo dục Phương Nam	15.000.000.000	-
Nhà xuất bản Giáo dục	2.000.000.000	-
Tổng	<u>21.000.000.000</u>	<u>8.700.000.000</u>

5.3 Phải thu khác

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Ủy thác cho Nhà xuất bản Giáo dục đầu tư vào	-	1.000.000.000
Công ty Cổ phần đầu tư IP Việt Nam	-	-
Phải thu về lãi tiền gửi và lợi nhuận được chia	-	461.456.296
Phải thu người lao động	-	36.843.126
Phải thu khác	1.620.839	-
Tổng	<u>1.620.839</u>	<u>1.498.299.422</u>

5.4 Tài sản cố định hữu hình

	<i>Đơn vị: VND</i>			
	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
Nguyên giá				
Số dư tại 01/01/2009	587.034.280	-	13.244.500	600.278.780
Tăng trong năm	-	100.510.420	-	100.510.420
Mua trong năm	-	100.510.420	-	100.510.420
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2009	<u>587.034.280</u>	<u>100.510.420</u>	<u>13.244.500</u>	<u>700.789.200</u>
Hao mòn lũy kế				
Số dư tại 01/01/2009	61.149.400	-	1.765.936	62.915.336
Tăng trong năm	73.379.286	16.045.234	2.698.900	92.123.420
Khấu hao trong năm	73.379.286	16.045.234	2.698.900	92.123.420
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2009	<u>134.528.686</u>	<u>16.045.234</u>	<u>4.414.836</u>	<u>155.038.756</u>
Giá trị còn lại				
Tại 01/01/2009	<u>525.884.880</u>	-	<u>11.478.564</u>	<u>537.363.444</u>
Tại 31/12/2009	<u>452.505.594</u>	<u>84.465.186</u>	<u>8.829.664</u>	<u>545.750.444</u>

5.5 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	6.333.000.000	5.333.000.000
Công ty Cổ phần phát hành sách thiết bị trường học Hưng Yên (1)	3.333.000.000	3.333.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam (2)	3.000.000.000	2.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	3.450.000.000	-
Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục Đà Nẵng (3)	350.000.000	-
Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định (4)	350.000.000	-
Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục Hà Nội (5)	750.000.000	-
Công ty Sách Thiết bị trường học Hà Tây (6)	2.000.000.000	-
	<u>9.783.000.000</u>	<u>5.333.000.000</u>

Thông tin về đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

(1): Đầu tư theo Nghị quyết số 03/NQ-ĐTTCGD ngày 27/12/2007 của Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Đầu tư tài chính giáo dục với số lượng cổ phần mua là 330.000 cổ phần, tương ứng nắm giữ 22% vốn điều lệ với giá mua 10.100 đồng/cổ phần.. Thông tin liên quan về Công ty Cổ phần Phát hành sách thiết bị trường học Hưng Yên:

Vốn điều lệ : 15.000.000.000 đồng

Địa chỉ : Đường Hải Thượng Lãn Ông, thị xã Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên

(2): Đầu tư theo Hợp đồng liên doanh số 01/2008/HĐLD ngày 20/02/2008 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính giáo dục, Nhà xuất bản giáo dục, Công ty Cổ phần xây dựng Sông Hồng và Công ty TNHH Đầu tư và Xúc tiến thương mại KAF về việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam (Incomex-Pushishing House) thực hiện đầu tư xây dựng Công trình hỗn hợp cao tầng tại 187 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

5.5 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)

Thông tin về đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)

Tổng vốn điều lệ 100.000.000.000 đồng. Cơ cấu vốn góp vốn liên doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 4 ngày 17/12/2009 của Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam :

TT	Các bên tham gia liên doanh	Tỉ lệ góp vốn theo PA cũ	Tỉ lệ góp vốn theo thay đổi
1	Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng	20%	20%
2	Nhà xuất bản Giáo dục	41%	0%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính giáo dục	20%	30%
4	Công ty TNHH Đầu tư và Xúc tiến thương mại KAF	19%	19%
5	Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Thiên Hóa	0%	31%

Trong đó, Công ty nhận ủy thác đầu tư cho Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư phát triển và xây dựng viễn thông (TDC) vào Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam với số vốn 10.000.000.000 đồng, tương ứng 10% vốn điều lệ.

Tỉ lệ phân chia lãi lỗ và rủi ro:

- Về lợi nhuận sau thuế của dự án sau khi trừ đi các quỹ cần phân phối theo quy định của Luật doanh nghiệp và Đại hội đồng cổ đông được phân chia 25% cho Nhà xuất bản Giáo dục, phần còn lại được chia theo tỉ lệ góp vốn cho các bên.
- Với các dự án khác do Công ty liên doanh chủ động khai thác đầu tư, lợi nhuận sau thuế sẽ được phân chia theo thỏa thuận giữa các bên.

Năm 2009, Công ty liên doanh đang trong giai đoạn Xây dựng cơ bản.

Thông tin về khoản đầu tư dài hạn khác

(3): Đầu tư theo Nghị quyết số 02/2009/NQ-TCGD ngày 10/3/2009, số lượng 35.000 cổ phần, giá mua 10.000 đồng/ cổ phần, tương ứng với 7% vốn điều lệ.

(4): Đầu tư theo Nghị quyết số 03/2009/NQ-TCGD ngày 10/03/2009, số lượng 35.000 cổ phần, giá mua 10.000 đồng/ cổ phần, tương ứng với 5% vốn điều lệ.

(5): Đầu tư theo Nghị quyết số 04/2009/NQ-TCGD ngày 10/3/2009, số lượng 75.000 cổ phần, giá mua 10.000 đồng/ cổ phần, tương ứng với 5% vốn điều lệ.

(6): Đầu tư trên cơ sở Quyết định số 784/QĐ-NXBGD ngày 02/11/2009 số lượng 125.000 cổ phần, giá mua 16.000 đồng/cổ phần, tương ứng với 11,26% vốn điều lệ.

5.6 Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	6.156.236
Thuế thu nhập doanh nghiệp	953.130.132	272.497.893
Thuế thu nhập cá nhân	27.326.602	13.854.093
Tổng	980.456.734	292.508.222

5.7 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	29.104.185	11.953.529
Lãi ủy thác đầu tư vào Công ty cổ phần IP	184.439.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn ĐTPT XD và viễn thông	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng	1.213.543.185	1.011.953.529

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

5.8 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Tổng
	Đơn vị tính: VND					
Số dư tại 01/01/2008	13.816.620.000	-	-	36.475.630	-	13.853.095.630
Tăng trong năm	21.883.380.000	-	-	2.040.712.383	3.000.000	23.927.092.383
Vốn góp của chủ sở hữu	21.883.380.000			-	-	21.883.380.000
Lợi nhuận sau thuế	-			2.040.712.383	-	2.040.712.383
Tiền khen thưởng	-			-	3.000.000	3.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	1.560.062.157	44.671.984	1.604.734.141
Tạm chia cổ tức	-			1.560.062.157	-	1.560.062.157
Chi khen thưởng phúc lợi	-			-	44.671.984	44.671.984
Số dư tại 31/12/2008	35.700.000.000	-	-	517.125.856	(41.671.984)	36.175.453.872
Số dư tại 01/01/2009	35.700.000.000	-	-	517.125.856	(41.671.984)	36.175.453.872
Tăng trong năm	-	102.034.226	102.034.226	5.359.643.004	204.068.452	5.767.779.908
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	5.359.643.004	-	5.359.643.004
Phân phối lợi nhuận	-	102.034.226	102.034.226	-	204.068.452	408.136.904
Giảm trong năm	-	-	187.000.000	427.799.632	97.214.820	712.014.452
PP LN 2008 vào các quỹ	-	-	-	408.136.904	-	408.136.904
Chi cổ tức	-	-	-	16.811.604	-	16.811.604
Giảm khác	-	-	-	2.851.124	-	2.851.124
Chi khen thưởng phúc lợi	-	-	187.000.000	-	97.214.820	284.214.820
Số dư tại 31/12/2009	35.700.000.000	102.034.226	(84.965.774)	5.448.969.228	65.181.648	41.231.219.328

5.8 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2009

Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông sáng lập	1.190.180	11.901.800.000	33,34%
- Nhà xuất bản Giáo dục	894.000	8.940.000.000	25,04%
- Bà Lã Thị Vân Anh	67.500	675.000.000	1,89%
- Bà Nguyễn Thị Hồng Diệp	62.500	625.000.000	1,75%
- Ông Đào Đức Hiếu	20.000	200.000.000	0,56%
- Bà Phạm Thị Thúy	30.000	300.000.000	0,84%
- Bà Nguyễn Thúy Hạnh	9.100	91.000.000	0,25%
- Ông Lê Thành Anh	20.000	200.000.000	0,56%
- Ông Hoàng Lê Bách	19.580	195.800.000	0,55%
- Ông Phạm Thanh Nam	67.500	675.000.000	1,89%
Cổ đông khác	2.379.820	23.798.200.000	66,66%
Tổng	3.570.000	35.700.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	35.700.000.000	13.816.620.000
Vốn góp tăng trong năm	-	21.883.380.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	35.700.000.000	35.700.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia (*)	16.811.604	1.560.062.157
Trả cổ tức năm 2008	16.811.604	-
Tạm trả cổ tức năm 2008	-	1.560.062.157

5.9 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu bán hàng hóa	31.454.545	7.639.749.374
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.629.420.652	1.773.615.101
Tổng	6.660.875.197	9.413.364.475

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

5.10 Giá vốn hàng bán

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	33.226.364	7.062.977.393
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.551.221.839	573.186.087
Tổng	<u>2.584.448.203</u>	<u>7.636.163.480</u>

5.11 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.520.363.428	3.553.230.143
Lãi đầu tư cổ phiếu	1.019.823.420	152.900.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	457.537.000	440.066.560
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán	530.780.000	-
Phí ủy thác đầu tư được hưởng	38.565.401	-
Khoản khác	185.538	-
Tổng	<u>5.567.254.787</u>	<u>4.146.196.703</u>

5.12 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Lỗ đầu tư cổ phiếu	80.275.000	974.624.889
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	1.548.229.714	1.037.180.000
Tổng	<u>1.628.504.714</u>	<u>2.011.804.889</u>

5.13 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.312.773.136	2.663.174.922
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập tính thuế	457.537.000	440.066.560
<i>Cổ tức, lãi được chia từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>457.537.000</i>	<i>440.066.560</i>
Thu nhập chịu thuế TNDN	5.855.236.136	2.223.108.362
Thuế suất	25%	28%
Ưu đãi thuế TNDN năm 2009	439.142.710	-
Chi phí thuế TNDN năm 2009	<u>1.024.666.324</u>	<u>622.470.341</u>
Giảm do tính ưu đãi thuế TNDN quý IV/2008	81.749.368	-
Tăng do thuế TNDN cho kỳ hoạt động năm 2007	10.213.176	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>953.130.132</u>	<u>622.462.539</u>

5.14 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Năm 2009

VND

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	198.102.713
Chi phí nhân công	1.733.849.662
Chi phí khấu hao tài sản cố định	98.123.420
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.776.452.270
Chi phí khác bằng tiền	480.324.069

Tổng

4.286.852.134

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Thông tin tài chính khác

Liên quan đến khoản góp vốn liên doanh thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam, nhu cầu về vốn liên quan đến hoạt động đầu tư này dự kiến như sau:

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Theo hợp đồng liên doanh đã sửa đổi	Trừ phần nhận ủy thác	Vốn tham gia	Vốn đã góp đến năm 2009	Vốn sẽ góp các năm tiếp theo
Góp vốn phần Công ty đứng tên trên hợp đồng liên doanh	30.000.000.000	10.000.000.000	20.000.000.000	3.000.000.000	17.000.000.000
Tổng	30.000.000.000	10.000.000.000	20.000.000.000	3.000.000.000	17.000.000.000

6.2 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Giám đốc Công ty nhận định, trên khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ kế toán đến ngày phát hành báo cáo cần thuyết minh hoặc điều chỉnh trên Báo cáo tài chính này.

6.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2009	Năm 2008
<u>Giao dịch liên quan đến doanh thu</u>			
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng	Bán giấy	-	1.499.650.748
Chi nhánh NXB giáo dục tại Đà Nẵng	Bán giấy	-	816.848.513
Nhà xuất bản giáo dục	DV giám sát số liệu	-	126.000.000
	Dịch vụ khác	259.000.000	123.029.090
	Quản lý tòa nhà	6.405.424.296	1.522.696.920
	Lãi cho vay vốn	668.222.222	349.180.667
	Cho vay vốn	21.000.000.000	14.800.000.000
Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục Hà Nội	Cho vay vốn	2.000.000.000	7.600.000.000
	Lãi cho vay vốn	371.842.933	362.033.333
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	Cho vay vốn	25.000.000.000	10.000.000.000
	Lãi cho vay vốn	371.591.666	685.083.333
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	Cho vay vốn	-	4.000.000.000
	Lãi cho vay vốn	-	323.350.000
Công ty Cổ phần in sách giáo khoa tại Thành phố HCM	Cho vay vốn	-	1.500.000.000
	Lãi cho vay vốn	-	47.063.333
Công ty Cổ phần in sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội	Cho vay vốn	4.000.000.000	5.000.000.000
	Lãi cho vay vốn	279.392.833	545.516.667
Công ty Cổ phần sách dân tộc	Cho vay vốn	1.000.000.000	3.000.000.000
	Lãi cho vay vốn	278.008.333	21.250.000
Công ty TNHH Nam Kỳ	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	6.432.321.681
Công ty Giáo dục Thụy An	Cho vay vốn	1.500.000.000	-
	Lãi cho vay vốn	71.171.150	-
<u>Giao dịch liên quan đến chi phí</u>			Năm 2009 (VND)
Nhà xuất bản giáo dục	Tiền vật tư		2.795.500
	Thuê Văn phòng		77.079.272
Công ty CP ĐT&PT công nghệ Văn Lang	Dịch vụ		

6.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung	Số dư tại 31/12/2009	Số dư tại 01/01/2009
Phải thu			
Trần Đức Hùng	Gốc vay	-	200.000.000
Nhà Xuất bản Giáo dục	Ủy thác đầu tư	-	1.000.000.000
	Gốc vay	2.000.000.000	-
	Lãi vay và phí dịch vụ	124.333.333	-
Công ty Cổ phần học liệu giáo dục	Lãi vay	92.384.267	61.000.000
	Gốc vay	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần sách dân tộc	Lãi vay	-	21.250.000
	Gốc vay	2.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần in sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội	Gốc vay	2.000.000.000	3.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	Gốc vay	15.000.000.000	-
	Lãi vay	181.250.000	-
Phải trả			
Nhà Xuất bản Giáo dục	Dư có phải thu	-	325.000
Công ty TNHH Nam Kỳ	Tiền mua hàng và dịch vụ	-	250.679.066

6.4 Số liệu so sánh

Là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM).

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2009

Kế toán trưởng

Giám đốc

Bùi Văn Dũng

Lã Thị Vân Anh